

Bản án số: 15/2022/HS-ST
Ngày 15 - 4 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Hoàng Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Đô và bà Hồ Thị Thu Uyên.

- Thư ký phiên toà: Bà Võ Thị Nhân – Thư ký Toà án nhân dân huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông tham gia phiên toà: Ông Thái Lê Anh Tuấn – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 08/2022/TLST- HS ngày 09 tháng 3 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2022/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 4 năm 2022 đối với bị cáo:

1. Phạm Hữu Đ, sinh năm 1981 tại tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: Thôn 1, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông ; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 02/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Hữu H, sinh năm 1946 và con bà Phạm Thị S (Đã chết);

Tiền sự: Ngày 05/7/2019, bị Tòa án nhân dân huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông, ra Quyết định số 09/2019/QĐ-TA, áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại cơ sở cai nghiện ma túy A, địa chỉ T2, xã Đ, huyện T, tỉnh Đăk Nông. Đến ngày 09/01/2021, chấp hành xong.

Tiền án: Có 01 tiền án, cụ thể: Ngày 05/6/2002, bị Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng xử phạt 13 năm tù về tội “Giết người”, theo khoản 1 Điều 93 Bộ luật Hình sự năm 1999, tại Bản án số 327/2002/PTHS. Ngày 17/5/2012, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù; bị cáo chưa chấp hành xong các quyết định khác của bản án; bị cáo có vợ là Bùi Thị P và 01 con; bị bắt tạm giữ từ ngày 24/11/2021 đến nay; có mặt.

2. Bị hại: Anh Vũ Đình Đ1; vắng mặt.

Địa chỉ: T10, xã N, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông.

- Anh Bùi Văn Đ2; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: T2, xã N, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông

- Anh Nguyễn Văn B; vắng mặt.

Địa chỉ: T2, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Phạm Quang T; vắng mặt.

Địa chỉ: T10, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

- Anh Nguyễn Văn Q; vắng mặt

Địa chỉ: Tổ 9, phường N, Thành phố G, tỉnh Đắk Nông.

- Anh Nguyễn Anh N; vắng mặt

Địa chỉ: T10, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông

- Anh Phạm Văn M; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ 6, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông

4. Những người tham gia tố tụng khác:

* Người làm chứng:

3.4. Anh Nguyễn Văn S; vắng mặt

Địa chỉ: Tổ 7, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 9 năm 2021, Phạm Hữu Đ được anh Bùi Văn Đ2 và anh B cho ở nhờ nhà rẫy tại T10, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, gần với rẫy của ông Vũ Đình Đ1. Ngày 17/11/2021, do thiếu tiền tiêu xài cá nhân, Đ nảy sinh ý định chiếm đoạt các tài sản tại nhà rẫy của anh Đ2, anh B và ông Đ1 nên Đ gọi điện thoại cho Nguyễn Văn N đi xe mô tô không rõ biển kiểm soát đến chòi rẫy của anh Đ2. Tại đây, Đ nói N1 có 03 bao cà phê tươi (đựng trong bao xác rắn màu xanh) của Đ mới hái cần bán 01 bao nhưng không có xe, nhờ N1 chở đi bán, thì N1 đồng ý. Sau đó, N1 chở 01 bao cà phê tươi đi đến tiệm thu mua nông sản của anh Nguyễn Anh N bán với giá 8.700 đồng/kg được số tiền 620.000 đồng, rồi mang tiền về đưa cho Đ. Sau đó, Đ gọi điện thoại cho anh Phạm Văn M hỏi “mua máy nổ không?” thì anh M đồng ý và hẹn gặp nhau tại cầu 20, xã N, huyện Đắk Song. Sau khi gặp nhau, Đ dẫn anh M đi xem dàn máy nổ bơm nước của ông Đ1, anh M trả số tiền 1.000.000 đồng thì Đ không đồng ý. Sau đó, Đ dẫn anh M xem dàn máy nổ gồm: 01 máy nổ động cơ Diesel D24 hiệu Trần Hưng Đạo, 01 đầu bơm hiệu Văn Thế 3, 01 dàn sắt xi màu đen kích thước 110cm x 29 cm x 36cm, của anh Đ2, Đ nói bán với số tiền 1.500.000 đồng, thì anh M đồng ý. Anh M đưa tiền cho Đ và thuê xe ba gác của anh Nguyễn Văn S đến chở dàn máy nổ về nhà.

Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 17/11/2021, Đ gọi điện thoại cho Trần Văn Á đến chòi rẫy Đ ở để Đ mượn xe mô tô. Khoảng 30 phút sau, Á điều khiển xe mô tô hiệu Sirius, không rõ biển kiểm soát đến, Đ nói Á “anh ngồi đây đợi em tí, em đi bán ít cà phê”, Á cùng Đ khiêng 02 bao cà phê tươi trong chòi rẫy anh Đ ra xe, Đ điều khiển xe mô tô chở 02 lần, mỗi lần 01 bao, đến tiệm thu mua nông sản của anh Nguyễn Anh N cân được 146kg, bán với giá 8.700 đồng/kg được số tiền 1.270.000 đồng, rồi quay về trả xe cho Á. Khoảng 09 giờ ngày 22/11/2021, Đ tiếp tục gặp anh Phạm Văn M để

thỏa thuận mua bán dàn máy bơm nước gồm 01 máy nổ động cơ Diesel D16 hiệu Cao Phong, 01 đầu bơm nước hiệu Văn Thê 3, 01 dàn sắt xi màu đen, kích thước 104cm x 35cm x 38cm, tại rẫy ông Đ1 mà anh M đã xem trước đó. Đ bán với giá 1.200.000 đồng, anh M đồng ý và đưa trước cho Đ số tiền 400.000 đồng. Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 23/11/2021, anh M gọi điện thoại cho Đ để đưa dàn máy nổ chở về thì Đ nói không có nhà, cứ bốc dàn máy lên xe, ai nói thì gọi cho Đ. Sau đó, anh M thuê xe ba gác của anh Nguyễn Văn S đến chở dàn máy nổ lên xe chở về nhà. Khoảng 08 giờ cùng ngày, Đ gọi điện thoại cho Vũ Nhật T đến gặp anh M lấy số tiền 500.000 đồng, đưa về cho Đ. Khoảng 17 giờ cùng ngày, Đ đến gặp anh M lấy số tiền còn lại 300.000 đồng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 50 ngày 26/11/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Đắk Song, kết luận:

- Giá trị còn lại thành tiền của 01 máy nổ động cơ Diesel D24 hiệu Trần Hưng Đạo làm mát bằng hơi nước, 01 đầu bơm hiệu Văn Thê 3, 01 dàn sắt xi màu đen kích thước 110cm x 29 cm x 36cm, đã qua sử dụng tại thời điểm ngày 17/11/2021 là: 2.500.000 đồng.

- Tại thời điểm ngày 17/11/2021, giá của 1kg cà phê tươi là 8.600 đồng/kg. Vậy giá trị thành tiền của 217 kg cà phê tươi tại thời điểm ngày 17/11/2021 có giá là: $217 \times 8.600 = 1.866.200$ đồng.

Tổng giá trị thành tiền còn lại của các tài sản trên là: 4.366.200 đồng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 52 ngày 06/12/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Đắk Song, kết luận: giá trị còn lại thành tiền của 01 máy nổ động cơ Diesel D16 hiệu Cao Phong làm mát bằng hơi nước, 01 đầu bơm nước hiệu Văn Thê 3, 01 dàn sắt xi màu đen, kích thước 104cm x 35cm x 38cm, đã qua sử dụng tại thời điểm ngày 23/11/2021 là 800.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 15/CT-VKS - ĐS ngày 09/3/2022, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song đã truy tố bị cáo Phạm Hữu Đ về tội “Trộm cắp tài sản”, theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự (viết tắt: BLHS).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Phạm Hữu Đ về tội “Trộm cắp tài sản”; đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Phạm Hữu Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS.

Xử phạt bị cáo Phạm Hữu Đ từ 09 (chín) tháng đến 01 (một) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ từ ngày 24/11/2021.

Về vật chứng của vụ án: Căn cứ điểm a,b khoản 1 Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự; điểm b khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Đề nghị HĐXX chấp nhận Cơ quan CSĐT trả lại 01 máy nổ động cơ Diesel D24 hiệu Trần Hưng Đạo làm mát bằng hơi nước, 01 đầu bơm hiệu Văn Thê 3, 01 dàn sắt xi màu đen kích thước 110cm x 29 cm x 36cm, cho anh Bùi Văn Đ2 và anh Nguyễn Văn B; trả lại 01 máy nổ động cơ Diesel D16 hiệu Cao Phong làm mát bằng hơi nước, 01 đầu bơm nước hiệu Văn Thê 3, 01 dàn sắt xi màu đen, kích thước 104cm x 35cm x 38cm, cho ông Vũ Đình Đ1 là những chủ sở hữu hợp pháp.

Đề nghị truy thu sung quỹ Nhà nước 4.590.000 đồng là số tiền bị cáo Đ thu lợi từ việc bán tài sản trộm cắp.

Đối với 03 bao cà phê tươi, Phạm Hữu Đ trộm cắp bán cho anh Nguyễn Anh N, quá trình điều tra xác định, anh N đã trộn lẫn cà phê mua của Đ với số cà phê của đại lý, đã bán cho người khác, nên không thu giữ được nên không xem xét giải quyết.

Về việc bồi thường thiệt hại: Các bị hại là anh Bùi Văn Đ2, anh Nguyễn Văn B và ông Vũ Đình Đ1 không yêu cầu bồi thường thiệt hại nên không đề cập vấn đề giải quyết.

Anh Phạm Văn M yêu cầu bị cáo Phạm Hữu Đ trả lại số tiền mua bán tài sản là 2.700.000 đồng.

Tại phiên tòa bị cáo không bào chữa gì về hành vi phạm tội của mình mà chỉ xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Các bị hại trình bày trong các biên bản ghi lời khai yêu cầu xét xử bị cáo theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày trong các biên bản ghi lời khai yêu cầu xét xử bị cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Bị cáo là người có đủ nhận thức pháp luật để biết hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng do ý thức coi thường pháp luật, muốn có tiền tiêu xài cá nhân từ ngày 17 đến ngày 23 tháng 11 năm 2021, tại T10, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, Phạm Hữu Đ đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 máy nổ động cơ Diesel D24 hiệu Trần Hưng Đạo làm mát bằng hơi nước, 01 đầu bơm hiệu Văn Thê 3, 01 dàn sắt xi màu đen kích thước 110cm x 29 cm x 36cm, trị giá 2.500.000 đồng; 217 kg cà phê tươi trị giá 1.866.200 đồng của anh Bùi Văn Đ2, anh B và 01 máy nổ động cơ Diesel D16 hiệu Cao Phong làm mát bằng hơi nước, 01 đầu bơm nước hiệu Văn Thê 3, 01 dàn sắt xi màu đen, kích thước 104cm x 35cm x 38cm, trị giá 800.000 đồng của ông Vũ Đình Đ1. Tổng giá trị tài sản mà Phạm Hữu Đ trộm cắp là 5.166.200 đồng.

Vì vậy, hành vi trên của bị cáo Phạm Hữu Đ đã cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của BLHS.

Tại Điều 173 Bộ luật hình sự quy định: Tội trộm cắp tài sản

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm;

.....”

[3]. Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, làm mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý của các chủ sở hữu tài sản, đã lén lút trộm cắp tài sản để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân, tổng giá trị tài sản các lần trộm cắp là 5.166.200 đồng. Bị cáo có nhân thân xấu vừa có tiền án, tiền sự, bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân, tu dưỡng rèn luyện để trở thành công dân tốt mà lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý tài sản để chiếm đoạt tài sản.

[4] Về các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1, Điều 51 BLHS. Bị cáo phạm tội khi chưa được xóa án tích nên thuộc trường hợp tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS.

Vì vậy, khi quyết định hình phạt giảm nhẹ phần nào cho bị cáo thể hiện tính nhân đạo, khoan hồng của Nhà nước ta. Do bị cáo không có công việc ổn định, muốn có tiền tiêu xài cá nhân bị cáo đã thực hiện 02 lần trộm cắp, do 01 lần giá trị chiếm đoạt 800.000 đồng nên không có căn cứ áp dụng tình tiết tăng nặng phạm tội nhiều lần. Tuy nhiên, bị cáo bị truy cứu trách nhiệm hình sự với tổng số tiền chiếm đoạt của các lần cộng lại. Vì vậy, HĐXX xét thấy áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo mới đảm bảo tính nghiêm khắc của hình phạt nhằm răn đe cải tạo, giáo dục bị cáo.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Song tại phiên tòa đối với bị cáo là phù hợp nên chấp nhận.

Đối với anh Nguyễn Anh N, anh Phạm Văn M, khi mua lại các tài sản của Đ thì anh N, anh M không biết đây là tài sản do trộm cắp mà có, nên không đặt vấn đề giải quyết.

Đối với anh Nguyễn Văn S là người được anh M thuê chở tài sản trộm cắp, anh S không biết đây là tài sản trộm cắp mà có, nên không đặt vấn đề giải quyết.

Đối với Nguyễn Văn N1, Trần Văn Á, Vũ Nhật T là những người liên quan đến hành vi phạm tội của Phạm Hữu Đ, quá trình điều tra Đ khai nhận những người này không biết việc Đ trộm cắp tài sản, Cơ quan điều tra đã triệu tập làm việc, ra thông báo truy tìm nhưng những người này không có mặt ở địa phương, chưa làm việc được, nên tiếp tục điều tra, khi nào có kết quả sẽ xử lý sau.

[6] Về bồi thường thiệt hại: Các bị hại là anh Bùi Văn Đ2, anh Nguyễn Văn B và ông Vũ Đình Đ1 không yêu cầu bồi thường thiệt hại nên không đề cập vấn đề giải quyết.

Anh Phạm Văn M yêu cầu bị cáo Phạm Hữu Đ trả lại số tiền mua bán tài sản là 2.700.000 đồng. Tại phiên Tòa bị cáo đồng ý trả lại cho anh M số tiền này. Đề nghị HĐXX ghi nhận sự tự nguyện trả lại số tiền này của bị cáo.

Áp dụng Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 để tính lãi suất chậm thi hành án

[7] *Về vật chứng vụ án*: Căn cứ điểm a,b khoản 1 Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự; điểm b khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Chấp nhận Cơ quan CSĐT trả lại 01 máy nổ động cơ Diesel D24 hiệu Trần Hưng Đạo làm mát bằng hơi nước, 01 đầu bơm hiệu Văn Thê 3, 01 dàn sắt xi màu đen kích thước 110cm x 29 cm x 36cm, cho anh Bùi Văn Đ2; trả lại 01 máy nổ động cơ Diesel D16 hiệu Cao Phong làm mát bằng hơi nước, 01 đầu bơm nước hiệu Văn Thê 3, 01 dàn sắt xi màu đen, kích thước 104cm x 35cm x 38cm, cho ông Vũ Đình Đ1, là những chủ sở hữu hợp pháp.

Đối với đề nghị truy thu sung quỹ Nhà nước số tiền 4.590.000 đồng. Căn cứ đơn của anh Phạm Văn M yêu cầu bị cáo trả lại số tiền mua bán tài sản là 2.700.000 đồng nên không có căn cứ truy thu toàn bộ số tiền này. Sau khi trừ đi số tiền bị cáo phải trả cho anh M, số tiền còn lại 1.890.000 đồng bị cáo thu lợi bất chính từ việc bán tài sản trộm cắp mà có, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền này nên xét thấy cần phải truy thu theo quy định.

Đối với 03 bao cà phê tươi, Phạm Hữu Đ trộm cắp bán cho anh Nguyễn Anh N, quá trình điều tra xác định, anh Nguyễn đã trộn cà phê mua của Đ với số cà phê của đại lý, đã bán cho người khác, nên không thu giữ được nên không giải quyết.

[8] *Về án phí*: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] *Về quyền kháng cáo*: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Hữu Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173, các điểm s khoản 1, Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS:

Xử phạt bị cáo Phạm Hữu Đ 01 (một) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ ngày 24/11/2021.

2. Việc bồi thường thiệt hại: Các bị hại là anh Bùi Văn Đ2, anh Nguyễn Văn B và ông Vũ Đình Đ1 không yêu cầu bồi thường thiệt hại nên không đề cập vấn đề giải quyết.

Bị cáo Phạm Hữu Đ thỏa thuận tự nguyện trả lại số tiền mua bán tài sản cho anh Phạm Văn M số tiền là 2.700.000 đồng (*Hai triệu bảy trăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án), cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

3. Về vật chứng của vụ án: Căn cứ điểm a,b khoản 1 Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự; điểm b khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Chấp nhận Cơ quan CSĐT trả lại 01 máy nổ động cơ Diesel D24 hiệu Trần Hưng Đạo làm mát bằng hơi nước, 01 đầu bơm hiệu Văn Thê 3, 01 dàn sắt xi màu đen kích thước 110cm x 29 cm x 36cm, cho anh Bùi Văn Đ2; trả lại 01 máy nổ động cơ Diesel D16 hiệu Cao Phong làm mát bằng hơi nước, 01 đầu bơm nước hiệu Văn Thê 3, 01 dàn sắt xi màu đen, kích thước 104cm x 35cm x 38cm, cho ông Vũ Đình Đ1 là các chủ sở hữu hợp pháp.

Truy thu sung quỹ Nhà nước số tiền 1.890.000 đồng (*Một triệu tám trăm chín mươi nghìn đồng*) mà bị cáo thu lợi từ việc bán tài sản do phạm tội mà có.

Đối với 03 bao cà phê tươi, Phạm Hữu Đ trộm cắp bán cho anh Nguyễn Anh N, quá trình điều tra xác định, anh Nguyễn đã trộn cà phê mua của Đ với số cà phê của đại lý, đã bán cho người khác, nên không thu giữ được nên không giải quyết.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 BLTTHS; điểm a khoản 1 Điều 3; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Phạm Hữu Đ phải nộp 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí Dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Các bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt bản án hợp lệ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án đối với phần liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt bản án hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đ;
- VKSND tỉnh Đ;
- Sở Tư pháp tỉnh Đ;
- Phòng VP06 CA tỉnh Đ;
- VKSND huyện Đắk Song;
- Công an huyện Đắk Song;
- Chi cục THA huyện Đ;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký và đóng dấu)

Hoàng Thị Thu Hà

